TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 22/2024/DS-ST
Ngày 16/4/2024.
Về việc: *"Tranh chấp hụi, họ"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Lê Thị Sáu.**
2. Bà: **Đỗ Thị Thương Quyền.**

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thu Trang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2023/TLST-DS ngày 26/10/2023 về việc *"Tranh chấp hụi, họ"* giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T ; sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 6, xã A, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Minh T , sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Lệ T1 ; địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01/8/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà T tham gia chơi hụi với Bà Hoàng Thị Lệ T1 làm chủ dây hụi như sau:

Ngày 10/10/2021 bà T tham gia 1 chân hụi tháng trong dây hụi 3.000.000đ/tháng. Bà T góp đầy đủ 19 tháng, số tiền hụi bà T đã đóng là 40.100.000đ. Bà T tuyên bố bể hụi và viết giấy nợ tiền hụi hứa cứ ngày 30 hằng tháng trả cho bà T 5.000.000đ nhưng không trả và còn thách thức.

- Ngày 3/8/2023, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả 57.000.000đ. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 22/02/2024 **Chị T** yêu cầu bà T trả cho bà T số tiền đã góp hụi là 40.100.000đ và 9.375.000đ tiền lãi.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/4/2024 **Chị T** yêu cầu bà T hoàn trả 40.100.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 10/7/2023 – 10/4/2024 là 9 tháng x 1.67% x 40.100.000đ = 6.027.000đ (đã làm tròn). Tổng số tiền gốc và lãi bà bà T là yêu cầu là 46.127.000đ

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ Chị T giao nộp các chứng cứ sau: 01 giấy giao kèo chơi huê do Bà Hoàng Thị Lệ T1 là chủ huê áp thảo ngày 10/10/2021, 01 giấy xác nhận nợ tiền hụi giữa chủ hụi là Bà Hoàng Thị Lệ T1 và bà Đoàn Thị T .

Bị đơn bà T được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có trình bày nào về toàn bộ nội dung khởi kiện của bà T .

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T , buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà T 40.100.000đ tiền hụi bà T đã đóng và lãi phát sinh 6.027.000đ. Tổng cộng là 46.127.000đ và buộc bà T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà T khởi kiện bà T về việc tranh chấp về hụi theo giấy giao kèo chơi huê do Bà Hoàng Thị Lệ T1 là chủ huê áp thảo ngày 10/10/2021, giấy xác nhận nợ tiền hụi. Bà T cư trú tại Thôn 4, xã A, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hụi, họ" và thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. **Chị T** vắng mặt có đơn, bà T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

2. Về nội dung:

[1] Đối với yêu cầu trả tiền góp hụi 40.100.000đ: Căn cứ Giấy xác nhận nợ tiền hụi đề ngày 10/5/2023 có nội dung thể hiện bà T có nợ bà T số tiền 41.000.000đ là tiền bà T đóng hụi phù hợp với trình bày của **Chị T** . Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà T trả số tiền 57.000.000đ bao gồm lãi suất. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/4/2024 **Chị T** chỉ yêu cầu bà T trả cho bà T tiền hụi đã đóng 40.100.000đ là đúng số tiền bà T đã ký nhận trong giấy xác nhận nợ tiền hụi. Do bà T không đến Tòa án làm việc, không có bản trình bày cũng như chứng cứ nào thể hiện đã thanh toán tiền nợ hụi cho bà T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn giao nộp và trình bày của **Chị T** để buộc bà T có trách nhiệm hoàn trả cho bà T 40.100.000đ tiền hụi đã góp.

[2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt **Chị T** yêu cầu lãi suất 1,67%/tháng và thời hạn tính lãi đối với từng dây hụi là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Điều 21 mục 02 chương III Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, cần buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà T tiền lãi là 6.027.000đ.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án: Buộc bà T phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho bà T là 2.306.000đ (46.127.000đ x 5%). Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 238; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21 mục 02 chương III Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị T về việc "*Tranh chấp hụi, họ*" với bị đơn Bà Hoàng Thị Lệ T1 .

Buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà T 46.127.000đ (Bôn mươi sáu triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự".

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

2. Về án phí: Buộc bà T phải chịu 2.306.000đ (Hai triệu ba trăm lẽ sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T 1.472.300đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm đồng) Tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai 13083 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA dân sự huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sáu Đỗ Thị Thương Huyền **Nguyễn Văn Linh**